TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH HÓA** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06 /2020/QĐST- DS	*Đ, ngày 17 tháng 6 năm2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ quyết định nhập hồ sơ vụ án dân sự số: 01/2019/QĐST - DS ngày 31/5/2019.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 07/01/2019; số 04/2019/TLST-DS ngày 07/01/2019; số 05/2019/TLST-DS ngày 07/01/2019; số 06/2019/TLST-DS ngày 08/01/2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1938.
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1946.
- Chị Triệu Thị H1, sinh năm: 1975.
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1985.

Đều có địa chỉ: Xóm M (nay là xóm T), xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Văn, sinh năm: 1960 (vợ ông Ch).

Địa chỉ: Xóm M (nay là xóm T), xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1982 (con ông Ch).

Địa chỉ: Xóm PH, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1983(con ông Ch).
- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1985(con ông Ch).

Đều có địa chỉ: Xóm M (nay là xóm T), xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1985 (con ông Ch).

Địa chỉ: Xóm TH, xã LV, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:

Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Văn, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Ng thống nhất thỏa thuận về người thực hiện nghĩa vụ về tài sản (trả nợ) các khoản nợ khi ông Nguyễn Văn Chân còn sống có nhận tiền, nhận nợ ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị L cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Văn, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Ng thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn L toàn bộ số tiền nợ gốc là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) mà ông Nguyễn Văn Chân đã vay ông L, theo giấy biên nhận vay tiền vào ngày vay tiền Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ ngày 15/4/2014. Số tiền lãi là 2.648.000đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn) ông Nguyễn Văn L tự nguyện không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Văn, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Ng thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả nợ cho chị Nguyễn Thị L toàn bộ số tiền nợ gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà ông Nguyễn Văn Chân đã vay ông L, theo giấy biên nhận vay tiền vào ngày vay tiền Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ ngày 15/3/2015 và giấy biên nhận vay tiền ngày 27/12/2015. Số tiền lãi là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị L tự nguyện không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Văn, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Ng thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn H toàn bộ số tiền

nợ gốc là 9.489.000đ (Chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) mà ông Nguyễn Văn Chân đã vay ông H, theo giấy biên nhận ngày 14/4/2016 và ngày 14/5/2016. Số tiền lãi là 405.000đ (Bốn trăm linh năm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn H tự nguyện không yêu.

Chị Triệu Thị H1 và bà Nguyễn Thị Văn, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Ng thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả nợ cho chị Triệu Thị H1 toàn bộ số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) mà ông Nguyễn Văn Chân đã vay, theo giấy vay tiền ngày 06/12/2015. Số tiền lãi là 1.280.000đ (Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) chị Triệu Thị H1 tự nguyện không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H, chị Triệu Thị H1, chị Nguyễn Thị L tự nguyện không yêu cầu bà Nguyễn Thị Văn, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Ng trả lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Văn D tự nguyện chịu toàn bộ 625.000đ (Sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước và tự nguyện chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để chuyển trả cho ông Nguyễn Văn L 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) và chuyển trả cho chị Nguyễn Thị L 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn C tự nguyện chịu toàn bộ 437.225đ (Bốn trăm ba mươi bẩy nghìn hai trăm hai mươi năm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và tự nguyện chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để chuyển trả cho ông Nguyễn Văn H 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) và chuyển trả cho chị Nguyễn Thị H1 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 441.200^{đ} (Bốn trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu số 0008818 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hoàn trả cho ông Nuyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008812 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hoàn trả cho chị Triệu Thị H1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008813 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008815 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (PKTNV);
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự (2 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thiện Hoàng